

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;  
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc dân sự thụ lý số 128/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình: Ông **Đỗ Văn U**; sinh năm: 1991 và bà **Nguyễn Thị L**; sinh năm: 1994. Cùng trú tại: **K N, phường T, quận S, TP .**

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông **Đỗ Văn U** và bà **Nguyễn Thị L** kết hôn vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại **UBND phường T, quận S, TP Đà Nẵng**. Sau một thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không tin tưởng lẫn nhau, xét tình cảm hai bên không còn, không muốn duy trì quan hệ vợ chồng nữa nên yêu cầu Tòa án cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, Ông **U** và bà **L** đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật HNGĐ công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà.

[2]. Về con chung: Ông **U** và bà **L** khai nhận có 02 con chung là **Đỗ Gia Đ**, sinh ngày 23.09.2015 và **Đỗ Gia K**, sinh ngày 08.10.2017. Ly hôn hai bên thỏa thuận: Ông **U** trực tiếp nuôi dưỡng các con và bà **L** cấp dưỡng 3 triệu/ tháng/2 con.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự bảo đảm quyền lợi của con chung, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật HNGĐ nên chấp nhận.

[3]. Về tài sản chung: Ông **U** và bà **L** không yêu cầu

[4]. và nợ chung: Ông **U** và bà **L** khai nhận không có.

[5]. Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) Ông **U** và bà **L** chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 20.6.2024), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**1.1. Về quan hệ hôn nhân:** Ông **Đỗ Văn U** và bà **Nguyễn Thị L** thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 75 của **UBND phường T, quận S, TP Đà Nẵng** cấp ngày 04 tháng 4 năm 2015 không còn giá trị pháp lý.

**1.2. Về quan hệ con chung:** Ông **Đỗ Văn U** và bà **Nguyễn Thị L** khai nhận có 02 con chung là **Đỗ Gia Đ**, sinh ngày 23.09.2015 và **Đỗ Gia K**, sinh ngày 08.10.2017. Hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận như sau:

Ông **Đỗ Văn U** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là **Đỗ Gia Đ**, sinh ngày 23.09.2015 và **Đỗ Gia K**, sinh ngày 08.10.2017.

Bà **Nguyễn Thị L** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng, mỗi con chung là 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*) (3.000.000 đồng/1 tháng/02 con). Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 06.2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**1.3. Về tài sản chung:** Ông **U** và bà **L** không yêu cầu tòa giải quyết

**1.4. Về nợ chung:** Ông **U** và bà **L** xác nhận không có.

**2. Về lệ phí Tòa án:** Lệ phí phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng y*) ông **Đỗ Văn U** và bà **Nguyễn Thị L** phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số **0002638** ngày 11.6.2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng. Ông **Đỗ Văn U** và bà **Nguyễn Thị L** đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 06, 07 và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND p Thọ Quang, q Sơn Trà, ĐN
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Thanh Thủy**

